TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2024/DS-PT
Ngày: 05/02/2024.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Bà Trương Thị Tuyết Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Lê Thị Thắm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 01 và 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản";*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 157/2023/DSST, ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐ-PT ngày 11/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Thế L, sinh năm 1987; (có mặt)
Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*2. Bị đơ*n: Phạm Thị D, sinh năm 1968; (có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**. Người kháng cáo:* Bị đơn Phạm Thị Diễm .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Trương Thế L trình bày: Vào năm 2020 và 2021, anh Trương Thế L có cho bà Phạm Thị D vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 07/6/2020, cho vay số tiền 108.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 07/7/2020, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 2: Ngày 08/11/2020 cho vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay 01

tháng đến ngày 08/12/2020, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 3: Ngày 08/01/2021 cho vay số tiền 36.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 08/02/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 4: Ngày 19/01/2021 cho vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 19/02/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 5: Ngày 08/02/2021 cho vay số tiền 18.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 08/3/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 6: Ngày 08/02/2021 cho vay số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 08/3/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 7: Ngày 11/3/2021 cho vay số tiền 18.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 11/4/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 8: Ngày 26/4/2021 cho vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 26/5/2021 không đóng lãi;

Tất cả đều có biên nhận, lãi suất 3%/tháng;

Tuy nhiên từ ngày 26/4/2021 đến nay, bà D không trả cho anh bất kỳ số tiền vốn hay lãi nào;

Anh L yêu cầu bà Phạm Thị D phải trả cho anh số tiền vay gốc tổng cộng là 420.000.000 đồng và tiền lãi 1,66%/tháng (tạm tính 26 tháng là 181.272.000 đồng), tổng cộng là 601.272.000 đồng.

Bị đơn Phạm Thị D trình bày: Bà D có vay tiền của anh L nhiều lần, các biên nhận đều do bà ký tên và điểm chỉ. Tuy nhiên, bà chỉ vay của anh L tổng cộng số tiền là 400.000.000 đồng, bà đã trả anh L được 320.000.000 đồng, nay chỉ còn nợ lại 80.000.000 đồng, chứ không phải là 420.000.000 đồng như anh L trình bày;

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh L, bà không đồng ý, bà chỉ chấp nhận trả cho anh L số tiền 80.000.000 đồng và xin anh L không tính tiền lãi.

Bản án dân sự sơ thẩm số 157/2023/DSST, ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 464, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thế Lữ .1

Buộc bị đơn Phạm Thị D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trương Thế L số tiền 636.132.000 đồng (Sáu trăm ba mươi sáu triệu một trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn Trương Thế L có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bị đơn Phạm Thị D chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương

ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 07/12/203, bị đơn Phạm Thị D kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Bà chỉ vay của anh L tổng cộng số tiền là 400.000.000 đồng, bà đã trả anh L được 320.000.000 đồng và chỉ còn nợ lại 80.000.000 đồng, chứ không phải là 420.000.000 đồng như anh L trình bày; Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà là bà trả cho anh L số tiền 80.000.000 đồng và xin anh L không tính tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Phạm Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo,

Nguyên đơn Trương Thế L không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà D, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thế L thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 07/12/2023 và biên lai nộp tạm ứng án phí của người kháng cáo thì người kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt nên vụ án được tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phạm Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xác lập hợp đồng vay giữa anh Trương Thế L và bà Phạm Thị D:

Căn cứ vào các biên nhận mượn tiền ngày 07/6/2020, ngày 08/11/2020, ngày 08/01/2021, ngày 19/01/2021, ngày 08/02/2021, ngày 08/02/2021, 11/3/2021, ngày 26/4/2021 do nguyên đơn Trương Thế L cung cấp;

Nội dung các biên nhận mượn tiền đều thể hiện thời điểm xác lập hợp đồng, số tiền vay, thời hạn, lãi suất, được anh L và bà D đồng ý ký tên ghi rõ họ tên;

Bà Phạm Thị D thừa nhận các biên nhận trên bà ký tên và điểm chỉ vào các biên nhận;

Từ những lời trình bày và thừa nhận của đương sự, cũng như các biên nhận mượn tiền thì Hội đồng xét xử xác định:

Các biên nhận mượn tiền ngày 07/6/2020, ngày 08/11/2020, ngày 08/01/2021, ngày 19/01/2021, ngày 08/02/2021, ngày 08/02/2021, 11/3/2021, ngày 26/4/2021 là hợp đồng vay có thời hạn cho vay, thời hạn trả và lãi suất vay;

Bà D còn nợ anh L số tiền nợ gốc là 420.000.000 đồng và bà D chưa trả số tiền nợ gốc trên cho anh L nên việc anh Lữ k đòi số tiền trên là có căn cứ;

[2.2]. Lãi suất vay:

Căn cứ vào các biên nhận vay tiền giữa anh L và bà D1 là Hợp đồng vay có lãi suất, mức lãi suất cho vay là 3%;

Căn cứ vào các biên nhận vay tiền và lời thừa nhận nguyên đơn thì bị đơn có vay tiền của nguyên đơn 08 lần và bị đơn có đóng tiền lãi cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 07/6/2020, cho vay số tiền 108.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 07/7/2020, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 2: Ngày 08/11/2020 cho vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 08/12/2020, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 3: Ngày 08/01/2021 cho vay số tiền 36.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 08/02/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 4: Ngày 19/01/2021 cho vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 19/02/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 5: Ngày 08/02/2021 cho vay số tiền 18.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 08/3/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 6: Ngày 08/02/2021 cho vay số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 08/3/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 7: Ngày 11/3/2021 cho vay số tiền 18.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 11/4/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Lần 8: Ngày 26/4/2021 cho vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 26/5/2021 không đóng lãi;

Do đó có căn cứ xác định mỗi lần vay tiền thì bà D có đóng lãi trong một thời gian nhất định, tuy anh L không yêu cầu tính lại những lần đóng lãi vượt quá quy định để trừ vào phần vốn gốc là không phù hợp;

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định "*Đối với số tiền lãi bà D đã trả cho anh L theo từng biên nhận mượn tiền theo anh L và bà D trình bày là 03%, mức lãi suất này đã vi phạm vào điều 468 của Bộ luật dân sự, tại phiên tòa bà D vắng mặt và tại biên bản hòa giải ngày 25/10/2023 bà D không có yêu tính lại lãi suất và cấn trừ vào số tiền còn nợ anh L, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét"* là không phù hợp. Bởi vì, tuy anh L không có yêu cầu nhưng đơn khởi kiện anh L yêu cầu trả vốn gốc và tính lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 26/4/2021 đến ngày 26/11/2023 thì vẫn phải tính lại số tiền lãi mà bà D đã đóng vượt để trừ vào số tiền gốc;

Như vậy số tiền lãi bà D đóng vượt quá quy định được trừ vào vốn gốc cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 07/6/2020, vay số tiền 108.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 07/7/2020, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Bà D đóng lãi được 10 tháng, số tiền lãi bà D đóng vượt quá là 14.472.000 đồng và được trừ vào vốn gốc nên phần vốn gốc bà D còn nợ anh L là 93.528.000 đồng.

Lần 2: Ngày 08/11/2020, vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 08/12/2020, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Bà D đóng lãi được 05 tháng, số tiền lãi bà D đóng vượt quá là 8.040.000 đồng và được trừ vào vốn gốc nên phần vốn gốc bà D còn nợ anh L là 111.960.000 đồng;

Lần 3: Ngày 08/01/2021, vay số tiền 36.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 08/02/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Bà D đóng lãi được 03 tháng, số tiền lãi bà D đóng vượt quá là 1.447.200 đồng và được trừ vào vốn gốc nên phần vốn gốc bà D còn nợ anh L là 34.552.800 đồng;

Lần 4: Ngày 19/01/2021, vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 19/02/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Bà D đóng lãi được 03 tháng, số tiền lãi bà D đóng vượt quá là 603.000 đồng và được trừ vào vốn gốc nên phần vốn gốc bà D còn nợ anh L là 14.397.000 đồng;

Lần 5: Ngày 08/02/2021, vay số tiền 18.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 08/3/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Bà D đóng lãi được 02 tháng, số tiền lãi bà D đóng vượt quá là 482.400 đồng và được trừ vào vốn gốc nên phần vốn gốc bà D còn nợ anh L là 14.517.600 đồng;

Lần 6: Ngày 08/02/2021, vay số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 08/3/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Bà D đóng lãi được 02 tháng, số tiền lãi bà D đóng vượt quá là 670.000 đồng và được trừ vào vốn gốc nên phần vốn gốc bà D còn nợ anh L là 24.330.000 đồng;

Lần 7: Ngày 11/3/2021, vay số tiền 18.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 11/4/2021, đóng lãi đến ngày 26/4/2021 thì không đóng lãi;

Bà D đóng lãi được 01 tháng, số tiền lãi bà D đóng vượt quá là 241.200 đồng và được trừ vào vốn gốc nên phần vốn gốc bà D còn nợ anh L là 17.758.800 đồng;

Lần 8: Ngày 26/4/2021, vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 26/5/2021 không đóng lãi; Bà D chưa đóng lãi nên vẫn cò nợ vốn gốc là 80.000.000 đồng.

Do đó tổng số vốn gốc bà D còn nợ anh L là 394.044.200 đồng;

Vì thế số tiền lãi mà bà D phải trả theo yêu cầu khởi kiện của anh L là 202.775.145 đồng.

Do đó cần buộc bà D phải trả vốn gốc và lãi là 596.819.345 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D không đưa ra được căn cứ chứng minh nào khác ngoài những chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên kháng cáo của bà D không được chấp nhận.

[3]. Những thiếu sót của tòa án cấp sơ thẩm: Với những thiếu sót về tính lãi vượt quá mà bà D đã đóng lãi cho anh L mà không được trừ vào vốn gốc là chưa phù hợp nên cần sửa một phần án sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 463, 464, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị D;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 157/2023/DSST, ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Thế Lữ .1

Buộc bà Phạm Thị D có nghĩa vụ trả cho anh Trương Thế L số tiền 596.819.345 đồng (năm trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm mười chín ngàn, ba trăm bốn mươi lăm đồng), (trong đó vốn gốc 394.044.200 đồng và tiền lãi 202.775.145 đồng);

Kể từ ngày anh Trương Thế L có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bà Phạm Thị D chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị D phải chịu 27.872.774 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Anh Trương Thế L phải chịu 1.297.790 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh L đã nộp 14.026.000 đồng theo biên lai thu số 0006530 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên trả lại anh L 12.728.210 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010662 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 05/02/2023, vắng mặt anh L, bà D.

***. Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Vĩnh Hữu